| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẢNG BÀNG**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 25-7-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Đững.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Cao Hoài Hiêm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp AP, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Lê V, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp PM, xã PC, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị và anh V chung sống với nhau năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị vẫn sống bên gia đình chị để tiện đi làm công nhân, anh V sống bên gia đình anh V. Vợ chồng gặp nhau vào cuối tuần. Sau khi chị sinh con, kinh tế của vợ chồng gặp khó khăn do anh V không có thu nhập. Chị khuyên anh V đi làm công nhân để có thu nhập nhưng anh V không đồng ý nên vợ chồng bắt đầu

xảy ra mâu thuẫn. Cha, mẹ hai bên có hòa giải nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay mặc dù anh V nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07-11-2013 do anh V nuôi dưỡng từ lúc 06 tháng tuổi đến nay.

Khi ly hôn, chị đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Lê V trình bày:*

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Anh có ý kiến bổ sung: Mặc dù anh không đi làm công nhân nhưng anh vẫn làm ruộng và làm thuê có thu nhập ổn định được thể hiện anh đã nuôi con từ lúc 06 tháng tuổi đến nay. Chị H chỉ lo chi phí mua sữa cho con, các chi phí còn lại anh lo cho con đầy đủ. Anh thừa nhận là gia đình anh có nặng lời với chị H khi hay tin chị H xin ly hôn với anh. Kể từ tháng 02 năm 2017 đến nay chị H không về thăm con, không phụ chi phí nuôi con nhưng anh vẫn nuôi, chăm lo cho con đầy đủ. Trong thời gian ly thân, anh nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý, anh chưa có giải pháp nào khác để vợ chồng đoàn tụ.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ cùng chị H. Nếu tòa xét xử cho ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án không vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Lê V.

Về con chung: Giao con chung cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã AT. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng có thời gian sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị H và anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cụ thể: Chị H cho rằng anh V không đi làm công nhân để có thu nhập, một mình chị phải quán xuyến kinh tế gia đình. Anh V thừa nhận chị H và gia đình anh có xảy ra mâu thuẫn, anh nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 03-7-2017 anh V trình bày anh sẽ đồng ý ly hôn, nếu chị H cam kết không thăm con và chấm dứt tình cảm với con sau khi ly hôn. Qua đó, cho thấy anh V không có thiện chí đoàn tụ. Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương nơi gia đình anh V sinh sống. Kết quả thể hiện: Địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh V do nhà của anh V biệt lập với khu dân cư và chị H cũng ít khi về sống tại nhà anh V. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H yêu cầu được ly hôn với anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07-11-2013 do anh V nuôi dưỡng từ lúc 06 tháng tuổi đến nay. Hiện tại, cháu K phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị H cũng đồng ý để anh V nuôi cháu K. Anh V cũng đồng ý nuôi cháu K nếu Tòa xét xử cho vợ chồng anh ly hôn. Vì vậy, có cơ sở giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù, anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Lê V.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Lê V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07-11-2013.

Chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07-11-2013 mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008501 ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị H còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã AT;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**Lê Ngọc Đững**